

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **23/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 08/7/2022
V/v “Tranh chấp về ly hôn
và nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Tuấn.
2. Bà Hồ Thị Hoàng Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Danh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Võ Xuân Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 về “*Tranh chấp về ly hôn, con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thúy P, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn BA, xã SV, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Chỗ ở hiện nay (nơi tạm trú): Thôn TĐ1, xã QA, Quế Sơn, Quảng Nam.

Nghề nghiệp: Buôn bán.

* Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Phạm Trường X, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn BA, xã SV, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Nghề nghiệp: Lái xe.

* Vắng mặt tại phiên tòa có lý do (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2022, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn - chị Phạm Thị Thúy P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thúy P và anh Phạm Trường X là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 05 tháng 6 năm 2009 tại UBND xã SV, huyện Nông Sơn. Trong quá trình chung sống giữa chị P và anh X phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân, là do anh X làm nghề lái xe thường xuyên vắng nhà và không quan tâm đến vợ con; vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung với nhau. Nay chị P thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Trường X.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Viên A, sinh ngày 10/3/2011 và Phạm Viên N, sinh ngày 11/12/2015. Khi ly hôn chị P có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu anh X cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi các cháu trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn: Tại biên bản ghi lời khai vào ngày 22/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Phạm Trường X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Trường X và chị Phạm Thị Thúy P là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/6/2009 tại UBND xã SV, huyện Nông Sơn. Trong quá trình chung sống giữa anh X và chị P không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống hôn nhân không được hòa hợp, nay chị P yêu cầu ly hôn anh X, anh X không đồng ý ly hôn, anh X có nguyện vọng vợ chồng được đoàn tụ để làm ăn nuôi dạy các con; còn nếu chị P kiên quyết ly hôn anh đồng ý với nguyện vọng của chị.

Về con chung: Có 02 con chung như chị P trình bày tên Phạm Viên A, sinh ngày 10/3/2011 và Phạm Viên N, sinh ngày 11/12/2015. Nếu chị P vẫn cương quyết ly hôn, anh X có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con; còn nếu chị P yêu cầu được nuôi con thì tôi yêu cầu Tòa án chia mỗi người nuôi 01 cháu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn và bị

đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa là đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Phạm Trường X cư trú tại thôn BA, xã SV, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam; chị P yêu cầu ly hôn và nuôi con nên quan hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Phạm Trường X vắng mặt có lý do; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị Thúy P có quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Phạm Trường X. Nay chị P khởi kiện xin ly hôn với anh X nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thúy P và anh Phạm Trường X tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã SV, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2009 ngày 05 tháng 6 năm 2009. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân, anh X đi làm ăn ít khi ở nhà, không lo gia đình, bất đồng quan điểm sống, chị P và anh X chung sống không hòa hợp, không có tiếng nói chung và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị P thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Phạm Trường X. Ngược anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho đoàn tụ, mục đích cùng nhau nuôi con; song, tại đơn xin xét xử vắng mặt của anh thì anh cho rằng, nếu chị P kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý với nguyện vọng của chị P.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân và gia đình của vợ chồng chị P và anh X tại địa phương, bà Ngô Thị T, Phó chủ tịch Hội phụ nữ xã SV cho biết: Chị P và anh X trong quá trình chung sống hội phụ nữ xã SV không biết chị P và anh X có xảy ra mâu thuẫn gì không, vì khi chị P và anh X xảy ra mâu thuẫn chị P và anh X không báo cáo cho hội phụ nữ xã biết.

Xét thấy: Mặc dù hai đương sự bên không thống nhất với nhau về giải quyết vụ án, nhưng tại phiên tòa chị P vẫn cương quyết xin ly hôn, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị P, anh X đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P.

[4]. Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Viên A, sinh ngày 10/3/2011 và Phạm Viên N, sinh ngày 11/12/2015. Chị P và anh X không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và cháu N và họ đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con cho đến khi thành niên.

Xét về điều kiện nuôi con chung: Hội đồng xét xử xét thấy chị P làm nghề buôn bán thu nhập khá ổn định và trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc các cháu, còn anh X làm nghề lái xe thường xuyên vắng nhà, ít có thời gian chăm sóc các con; hơn nữa, qua quá trình lấy lời khai cháu A và N đều có nguyện vọng khi ba mẹ ly hôn cháu A và cháu N đều có nguyện vọng ở với mẹ. Và hiện tại cháu A và cháu N đang ở với chị P và được chị P chăm sóc, nuôi dưỡng nên để chị P tiếp tục chăm sóc sẽ tốt hơn cho sự phát triển toàn diện của cháu A và cháu N. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu A và cháu N, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81 và 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xử: Giao cháu A và cháu N cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy trong đơn khởi kiện và trong biên bản ghi lời khai của cháu A và cháu N. Hiện nay cháu A đang chuẩn bị vào lớp 6 cháu N chuẩn bị vào lớp 2 nên khi ly hôn chị P yêu cầu anh X cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi; thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 8/2022 để chị P nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của P là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Phạm Thị Thúy P tự nguyện chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thúy P về việc "*Tranh chấp về ly hôn và con chung*".

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Thúy P và anh Phạm Trường X.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Viên A, sinh ngày 10/3/2011 và Phạm Viên N, sinh ngày 11/12/2015 cho chị Phạm Thị Thúy P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Phạm Trường X có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng/tháng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi; thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 8/2022. Anh X có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Phạm Thị Thúy P tự nguyện chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003036 ngày 22/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo gửi lên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Nông Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nông Sơn;
- UBND xã Sơn Viên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Tam

